

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(đã được soát xét)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 35
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQĐ ngày 23/03/2007 của Nhà xuất bản Giáo dục và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0304952106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 23/11/2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/04/2025
Ông Lê Huy	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 10/04/2025
Ông Đinh Gia Lê	Thành viên	
Bà Lê Phương Mai	Thành viên	
Ông Nguyễn Phong Yên	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lê Phương Mai	Tổng Giám đốc	
Bà Bùi Thu Giang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Phong Yên	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2025
Bà Mai Ngọc Liên	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 12/06/2025
Bà Phạm Lan Anh	Kế toán trưởng	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Đỗ Huy Kiên	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Chanh	Thành viên
Bà Lê Thị Tuyết Minh	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này là bà Lê Phương Mai - Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/09/2024 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Phương Mai

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam được lập ngày 14 tháng 08 năm 2025, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam đã được soát xét và kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính này ngày 12 tháng 08 năm 2024 và ngày 12 tháng 03 năm 2025.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AAC



Ngô Minh Quý

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2025



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		918.932.918.589	506.663.217.988
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	104.577.160.103	96.240.197.333
111	1. Tiền		84.577.160.103	23.240.197.333
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	73.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		544.431.092.042	152.714.248.789
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	547.203.744.635	157.361.676.535
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	4.184.136.086	534.172.834
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	1.541.025.779	3.599.998.981
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.497.814.458)	(8.781.599.561)
140	IV. Hàng tồn kho	09	265.174.885.587	256.553.584.894
141	1. Hàng tồn kho		326.047.783.022	315.881.287.825
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(60.872.897.435)	(59.327.702.931)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		4.749.780.857	1.155.186.972
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	3.800.464.175	1.155.186.972
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	949.316.682	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		97.653.674.076	100.355.100.398
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		22.222.369.898	22.222.369.898
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	22.222.369.898	22.222.369.898
220	II. Tài sản cố định		52.825.051.626	54.776.306.719
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	52.825.051.626	54.776.306.719
222	- Nguyên giá		78.604.311.297	78.604.311.297
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(25.779.259.671)	(23.828.004.578)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		1.839.737.688	1.839.737.688
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.839.737.688)	(1.839.737.688)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	770.000.000	770.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		770.000.000	770.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		21.836.252.552	22.586.423.781
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	21.836.252.552	22.586.423.781
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.016.586.592.665	607.018.318.386

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2025	01/01/2025
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		674.410.663.852	273.149.526.052
310	I. Nợ ngắn hạn		674.410.663.852	273.149.526.052
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	414.664.465.319	43.068.573.137
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	1.786.829.793	2.488.330.529
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	7.427.054.296	21.666.609.389
314	4. Phải trả người lao động		23.622.792.775	36.085.251.964
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	122.590.562.275	92.216.567.385
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	6.735.795.279	92.592.200
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	75.934.392.460	53.416.894.433
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		21.648.771.655	24.114.707.015
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		342.175.928.813	333.868.792.334
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	342.175.928.813	333.868.792.334
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.000.000.000	100.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(71.500.000)	(71.500.000)
415	3. Cổ phiếu quỹ		(11.541.426.210)	(11.541.426.210)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		211.272.904.798	192.977.228.612
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.886.452.483	1.886.452.483
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		40.629.497.742	50.618.037.449
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		13.778.761.263	-
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		26.850.736.479	50.618.037.449
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.016.586.592.665	607.018.318.386

Nguyễn Thị Phương
Người lập

Phạm Lan Anh
Kế toán trưởng



Lê Phương Mai
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	746.817.135.567	705.688.078.611
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22	317.029.480	300.673.810
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		746.500.106.087	705.387.404.801
11	4. Giá vốn hàng bán	23	558.206.228.887	547.759.602.719
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		188.293.877.200	157.627.802.082
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	865.518.914	497.068.589
22	7. Chi phí tài chính	25	1.774.926.967	2.304.858.827
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.453.506.888	1.482.003.426
25	8. Chi phí bán hàng	26	116.669.467.409	96.526.288.865
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	34.828.004.037	29.950.461.959
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		35.886.997.701	29.343.261.020
31	11. Thu nhập khác	28	-	354.545.455
32	12. Chi phí khác		12.711.765	91.940.932
40	13. Lợi nhuận khác		(12.711.765)	262.604.523
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		35.874.285.936	29.605.865.543
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	9.023.549.457	6.698.993.501
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		26.850.736.479	22.906.872.042
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.896	2.051



Nguyễn Thị Phương
Người lập



Phạm Lan Anh
Kế toán trưởng



Lê Phương Mai
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		329.034.321.395	388.281.727.338
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(256.691.765.734)	(362.050.220.699)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(36.576.059.878)	(27.342.739.827)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(1.587.102.643)	(1.448.818.708)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(16.877.224.785)	(10.143.587.349)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		381.973.985	3.615.555.449
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.064.751.511)	(20.406.164.526)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.619.390.829	(29.494.248.327)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(1.794.490.909)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	354.545.455
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		731.323.914	405.413.033
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		731.323.914	(1.034.532.421)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		89.711.137.460	96.133.573.860
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(67.193.639.433)	(83.066.728.510)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18.531.250.000)	(13.907.700.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		3.986.248.027	(840.854.650)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		8.336.962.770	(31.369.635.398)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		96.240.197.333	78.267.307.155
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	104.577.160.103	46.897.671.757

Nguyễn Thị Phương
Người lập

Phạm Lan Anh
Kế toán trưởng



Lê Phương Mai
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam được thành lập theo Quyết định số 309/NXBGDQĐ ngày 23/03/2007 của Nhà xuất bản Giáo dục và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0304952106 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 23/11/2021.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30/06/2025 là 100.000.000.000 VND; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 114 người (tại ngày 01/01/2025 là 117 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành;
- Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ này, nhu cầu từ thị trường tăng mạnh, làm tổng doanh thu tăng 41,13 tỷ VND, tương đương tỷ lệ 5,83% so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu sản phẩm kỳ này thay đổi cùng đơn giá nguyên vật liệu chính đầu vào kỳ này giảm dẫn đến Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ kỳ này chỉ tăng 10,45 tỷ VND, tương đương tỷ lệ 1,91% so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ tăng doanh thu cao hơn tỷ lệ tăng giá vốn khiến cho Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ kỳ này tăng 30,67 tỷ VND, tương đương tỷ lệ 19,45% so với cùng kỳ năm trước.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính tỷ lệ phần trăm hoàn thành của doanh thu
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong kỳ mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 06	năm
- Phương tiện vận tải	06	năm
- Thiết bị văn phòng	03	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, tùy theo từng trường hợp kế toán tiếp tục thực hiện đối với các hình thức cụ thể như sau:

Đối với BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: phí bản quyền, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty mua lại trước ngày hiệu lực của Luật chứng khoán 2019 (ngày 01/01/2021) nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ mua sau ngày 01 tháng 01 năm 2021 sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập Báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.20 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là phát hành sách và diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	556.478.236	162.942.812
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	84.020.681.867	23.077.254.521
Các khoản tương đương tiền (*)	20.000.000.000	73.000.000.000
	104.577.160.103	96.240.197.333

(*) Tại ngày 30/06/2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 20.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) với lãi suất 4,0%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần	770.000.000	-	770.000.000	-
Dịch vụ Xuất bản				
Giáo dục Gia Định				
	770.000.000	-	770.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về đơn vị nhận đầu tư trong kỳ:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Hồ Chí Minh	7,50%	7,50%	Biên soạn, biên tập, dịch thuật

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	136.977.841.551	(707.870.402)	24.748.171.430	(209.469.031)
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	86.611.640	-	7.419.418.561	(80.575.551)
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	1.059.168.218	-	-	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	11.573.488.730	(278.628.241)	2.769.899.952	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh	79.678.739.133	-	-	-
Công ty Cổ phần Học liệu	1.655.447.815	-	3.050.743.401	(3.034.647)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	7.023.504.809	(168.225.612)	3.637.815.039	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định	25.741.843	(5.619.574)	25.741.843	(457.681)
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận	246.207.520	-	81.760.799	-
Công ty Cổ phần Sách thiết bị trường học Thành phố Cần Thơ	6.497.336.869	(255.396.975)	5.150.327.638	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	345.283.270	-	2.442.037.317	(125.401.152)
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bến Tre	20.400.388.880	-	154.957.731	-
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị giáo dục Bình Dương	1.083.834.674	-	15.469.149	-
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	7.302.088.150	-	-	-
Bên khác	410.225.903.084	(7.789.944.056)	132.613.505.105	(8.572.130.530)
Các đối tượng khác	410.225.903.084	(7.789.944.056)	132.613.505.105	(8.572.130.530)
	547.203.744.635	(8.497.814.458)	157.361.676.535	(8.781.599.561)

Tổng giá trị các khoản phải thu dùng thế chấp bảo đảm các khoản vay tại thời điểm 30/06/2025 tối thiểu là 70.000.000.000 VND.

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	1.212.284.582	-	397.195.416	-
Viện Nghiên cứu Sách và Học liệu Giáo dục Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội	1.197.195.416	-	397.195.416	-
	15.089.166	-	-	-
Bên khác	2.971.851.504	-	136.977.418	-
Các đối tượng khác	2.971.851.504	-	136.977.418	-
	4.184.136.086	-	534.172.834	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức	92.400.000	-	-	-
Phải thu nhân viên thuế TNCN	-	-	3.071.877.981	-
Tạm ứng	1.022.905.779	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	425.720.000	-	528.121.000	-
	1.541.025.779	-	3.599.998.981	-
b) Dài hạn				
Phải thu về hợp tác kinh doanh (*)	22.222.369.898	-	22.222.369.898	-
	22.222.369.898	-	22.222.369.898	-
c) Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	92.400.000	-	-	-
	22.222.369.898	-	22.222.369.898	-
	22.314.769.898	-	22.222.369.898	-

(*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 108HĐ/2011 ngày 01/04/2011, Phụ lục số 01 ngày 01/07/2014 và Phụ lục số 02 ngày 15/12/2018:

- Nội dung hợp tác kinh doanh: Góp vốn đầu tư xây dựng Dự án để sử dụng làm văn phòng làm việc hoặc khai thác kinh doanh tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tổng vốn đầu tư: 50.000.000.000 VND;
- Hình thức góp vốn: Góp vốn bằng tiền theo tỷ lệ sau:
 - + Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: 25%;
 - + Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam: 30%;
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam: 45%;
- Phương án phân chia kết quả kinh doanh: Phân chia doanh thu, chi phí trước thuế TNDN theo tỷ lệ sau:
 - + Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: 37,5%;
 - + Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam: 25%;
 - + Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam: 37,5%;
- Tình hình của hợp đồng tại ngày 30/06/2025: Tòa nhà đã đưa vào sử dụng và đang được khai thác cho thuê.

8 . NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
Phải thu của khách hàng				
Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học Phú Yên	1.398.503.358	454.231.007	1.361.803.358	441.589.007
Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học Sơn La	940.976.502	-	940.976.502	17.237.700
Các đối tượng khác	22.109.533.127	15.496.967.522	10.513.114.153	3.575.467.745
	24.449.012.987	15.951.198.529	12.815.894.013	4.034.294.452

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.843.229.631	(932.890.315)	28.881.715.830	(747.882.525)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.435.101.288	-	6.171.843.138	-
Thành phẩm	88.417.944.556	(19.186.912.150)	58.383.288.065	(16.502.098.281)
Hàng hoá	213.351.507.547	(40.753.094.970)	222.444.440.792	(42.077.722.125)
	326.047.783.022	(60.872.897.435)	315.881.287.825	(59.327.702.931)

- Giá trị hàng tồn kho chậm luân chuyển, ứ đọng tại 30/06/2025 là 80.771.496.909 VND.
- Giá trị hàng tồn kho dùng thế chấp bảo đảm các khoản vay tại thời điểm 30/06/2025 tối thiểu là 90.000.000.000 VND.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	58.772.601.672	3.960.756.230	15.497.418.827	373.534.568	78.604.311.297
Số dư cuối kỳ	58.772.601.672	3.960.756.230	15.497.418.827	373.534.568	78.604.311.297
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	6.390.379.964	3.090.536.709	13.973.553.337	373.534.568	23.828.004.578
- Khấu hao trong kỳ	1.191.255.787	435.109.760	324.889.546	-	1.951.255.093
Số dư cuối kỳ	7.581.635.751	3.525.646.469	14.298.442.883	373.534.568	25.779.259.671
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	52.382.221.708	870.219.521	1.523.865.490	-	54.776.306.719
Tại ngày cuối kỳ	51.190.965.921	435.109.761	1.198.975.944	-	52.825.051.626

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 13.921.616.117 VND.

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là Chương trình phần mềm với Nguyên giá và Hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2025 lần lượt là 1.839.737.688 VND và 1.839.737.688 VND. Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.839.737.688 VND.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ	3.436.513.766	-
Chi phí tổ chức bán thảo	363.950.409	926.226.972
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	228.960.000
	<u>3.800.464.175</u>	<u>1.155.186.972</u>
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất (*)	20.949.202.552	21.324.273.781
Chi phí bảo hiểm	887.050.000	1.262.150.000
	<u>21.836.252.552</u>	<u>22.586.423.781</u>

(*) Công ty thuê đất tại Lô A5-2, Khu A5, Đường D4&N2, Khu công nghiệp Tân Phú Trung, Ấp Trạm Bom, Xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng thuê đất số 12/HĐTD/SCD-2018 ngày 19/01/2018 với diện tích 12.571,9 m2, thời hạn thuê đến ngày 16/12/2054. Công ty đã thanh toán trước tiền thuê đất một lần cho cả thời hạn thuê.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	335.649.144.107	335.649.144.107	20.233.997.478	20.233.997.478
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	318.331.800.672	318.331.800.672	14.763.189.196	14.763.189.196
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	-	-	773.199.410	773.199.410
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục	380.702.400	380.702.400	182.842.400	182.842.400
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	-	-	99.072.000	99.072.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	6.504.953.351	6.504.953.351	2.145.332.328	2.145.332.328
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	7.591.281.304	7.591.281.304	1.999.656.464	1.999.656.464
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	2.840.406.380	2.840.406.380	94.705.680	94.705.680
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội	-	-	176.000.000	176.000.000
Bên khác	79.015.321.212	79.015.321.212	22.834.575.659	22.834.575.659
Công ty Cổ phần Giấy CP	16.752.613.979	16.752.613.979	17.086.901.684	17.086.901.684
Nhà máy in Bộ Quốc phòng	5.270.488.074	5.270.488.074	720.854.956	720.854.956
Các đối tượng khác	56.992.219.159	56.992.219.159	5.026.819.019	5.026.819.019
	414.664.465.319	414.664.465.319	43.068.573.137	43.068.573.137

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Bên khác		
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Vĩnh Long	-	338.835.484
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Bình Phước	-	306.985.263
Các đối tượng khác	1.786.829.793	1.842.509.782
	1.786.829.793	2.488.330.529

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	306.860.725	796.364.131	750.491.772	-	352.733.084
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	14.927.996.540	9.023.549.457	16.877.224.785	-	7.074.321.212
Thuế Thu nhập cá nhân	-	6.431.752.124	1.187.083.761	8.568.152.567	949.316.682	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	585.111.517	585.111.517	-	-
	-	21.666.609.389	11.596.108.866	26.784.980.641	949.316.682	7.427.054.296

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Chi tiết theo nội dung		
Chi phí lãi vay	209.308.421	342.904.176
Phí bản quyền và chi phí bản thảo, biên tập	40.529.576.987	90.120.444.312
Chi phí phải trả khác	81.851.676.867	1.753.218.897
	122.590.562.275	92.216.567.385
b) Trong đó: Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	479.002.500	977.682.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	119.280.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	312.651.840	-
	910.934.340	977.682.500

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	66.911.520	83.329.700
Thuế TNCN phải trả nhân viên	6.647.271.259	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	21.612.500	9.262.500
	6.735.795.279	92.592.200

18 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	01/01/2025		Trong kỳ		30/06/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn - Bên khác						
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (1)	27.805.916.473	27.805.916.473	64.552.300.708	41.582.661.473	50.775.555.708	50.775.555.708
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam) (2)	25.610.977.960	25.610.977.960	25.158.836.752	25.610.977.960	25.158.836.752	25.158.836.752
	53.416.894.433	53.416.894.433	89.711.137.460	67.193.639.433	75.934.392.460	75.934.392.460

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm	Số dư nợ gốc tại	
					30/06/2025	01/01/2025
					VND	VND
(1) Thỏa thuận chung về Tiềm ích số VNM 151027 ngày 28/08/2015 và các bản sửa đổi	Theo từng Giấy nhận nợ	Không quá 12 tháng	Tài trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp bảo lãnh	Thế chấp hàng tồn kho	50.775.555.708	27.805.916.473
(2) Thư cấp hạn mức tín dụng số BFL/23-08 ngày 07/02/2023	Theo từng Giấy nhận nợ	Tối đa 07 tháng	Tài trợ cho mục đích kinh doanh bình thường và/hoặc các nhu cầu về vốn lưu động	Thế chấp các khoản phải thu	25.158.836.752	25.610.977.960
					75.934.392.460	53.416.894.433

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	172.691.066.328	1.886.452.483	34.193.862.284	297.158.454.885
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	22.906.872.042	22.906.872.042
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(13.907.700.000)	(13.907.700.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	20.286.162.284	-	(20.286.162.284)	-
Số dư cuối kỳ trước	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	192.977.228.612	1.886.452.483	22.906.872.042	306.157.626.927
Số dư đầu kỳ này	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	192.977.228.612	1.886.452.483	50.618.037.449	333.868.792.334
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	26.850.736.479	26.850.736.479
Chia cổ tức (*)	-	-	-	-	-	(18.543.600.000)	(18.543.600.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	-	18.295.676.186	-	(18.295.676.186)	-
Số dư cuối kỳ này	100.000.000.000	(71.500.000)	(11.541.426.210)	211.272.904.798	1.886.452.483	40.629.497.742	342.175.928.813

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 19/NQĐHCD-SED ngày 10/04/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

- Lợi nhuận sau thuế năm 2024:	60.985.587.287 VND
- Chia cổ tức bằng tiền (20%/cổ phiếu):	18.543.600.000 VND
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (17%/lợi nhuận sau thuế):	10.367.549.838 VND
+ Trong đó: Đã trích trong năm 2024:	10.367.549.838 VND
- Trích Quỹ đầu tư phát triển (30%/lợi nhuận sau thuế):	18.295.676.186 VND
- Lợi nhuận chưa phân phối:	13.778.761.263 VND

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	43,39	43.390.000.000	43,39	43.390.000.000
Các cổ đông khác	49,33	49.328.000.000	49,33	49.328.000.000
Cổ phiếu quỹ	7,28	7.282.000.000	7,28	7.282.000.000
	100	100.000.000.000	100	100.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	9.262.500	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	18.543.600.000	13.907.700.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền		
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(18.531.250.000)	(13.898.437.500)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	<u>21.612.500</u>	<u>9.262.500</u>

d) Cổ phần

	30/06/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng		
- Cổ phần phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phần được mua lại		
- Cổ phần phổ thông	728.200	728.200
Số lượng cổ phần đang lưu hành		
- Cổ phần phổ thông	9.271.800	9.271.800
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	211.272.904.798	192.977.228.612
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.886.452.483	1.886.452.483
	<u>213.159.357.281</u>	<u>194.863.681.095</u>

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê văn phòng, kho như sau:

STT	Vị trí	Diện tích (m2)	Thời hạn thuê
1	231 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chợ Quán, Thành phố Hồ Chí Minh	386,88	Đến 31/12/2026
2	100 Man Thiện, Phường Tăng Nhơn Phú, Thành phố Hồ Chí Minh	858,06	Đến 31/12/2026
3	133 Dương Bá Trạc, Phường Chánh Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh	359,00	Đến 16/05/2030

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đồng Tháp	472.504.475	-
Các đối tượng khác	3.255.225.221	-
	3.727.729.696	-

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu hàng hóa	479.599.517.554	477.609.126.701
Doanh thu thành phẩm	267.217.618.013	228.078.951.910
	746.817.135.567	705.688.078.611
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)	184.405.215.807	280.322.533.976

22 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	83.543.180	-
Hàng bán bị trả lại	233.486.300	300.673.810
	317.029.480	300.673.810

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	420.767.299.504	420.942.790.369
Giá vốn của thành phẩm đã bán	135.893.734.879	133.046.469.319
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho/(Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho)	1.545.194.504	(6.229.656.969)
	558.206.228.887	547.759.602.719
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)	498.166.796.592	522.697.961.494

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi	731.323.914	304.568.589
Chiết khấu thanh toán	41.795.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	92.400.000	192.500.000
	865.518.914	497.068.589
Trong đó: Nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)	92.400.000	192.500.000

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.453.506.888	1.482.003.426
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	321.420.079	822.855.401
	1.774.926.967	2.304.858.827

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	912.102.177	1.940.513.461
Chi phí nhân công	18.788.888.347	15.708.104.114
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.626.365.547	1.851.381.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.360.734.969	68.127.250.291
Chi phí khác bằng tiền	8.981.376.369	8.899.039.175
	116.669.467.409	96.526.288.865
Trong đó: Chi phí mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)	20.278	921.692.508

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.521.165	-
Chi phí nhân công	17.360.840.860	14.489.984.532
Chi phí khấu hao tài sản cố định	324.889.546	279.933.495
Chi phí dự phòng	3.443.944.593	1.453.612.994
Thuế, phí, và lệ phí	583.294.767	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.444.621.224	5.395.783.686
Chi phí khác bằng tiền	8.663.891.882	8.327.147.252
	34.828.004.037	29.950.461.959
Trong đó: Chi phí mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 35)	888.184.879	547.906.761

28 . THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	354.545.455
	-	354.545.455

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	35.874.285.936	29.605.865.543
Các khoản điều chỉnh tăng	658.881.529	2.232.955.462
- Chi phí không hợp lệ	658.881.529	2.232.955.462
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(192.500.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(192.500.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	36.533.167.465	31.646.321.005
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	7.306.633.493	6.329.264.201
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	1.716.915.964	369.729.300
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	14.927.996.540	7.773.858.049
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(16.877.224.785)	(10.143.587.349)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	7.074.321.212	4.329.264.201

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	26.850.736.479	22.906.872.042
Các khoản điều chỉnh	-	(3.894.168.247)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	(3.894.168.247)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	26.850.736.479	19.012.703.795
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	9.271.800	9.271.800
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.896	2.051

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.383.808.094	49.683.837.416
Chi phí nhân công	36.149.729.207	30.198.088.646
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.951.255.093	2.131.315.319
Chi phí dịch vụ mua ngoài	210.082.923.266	187.439.223.118
Chi phí khác bằng tiền	22.175.290.958	20.879.458.870
	319.743.006.618	290.331.923.369

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.020.681.867	-	-	104.020.681.867
Phải thu khách hàng, phải thu khác	540.246.955.956	22.222.369.898	-	562.469.325.854
	644.267.637.823	22.222.369.898	-	666.490.007.721
Tại ngày 01/01/2025				
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.077.254.521	-	-	96.077.254.521
Phải thu khách hàng, phải thu khác	152.180.075.955	22.222.369.898	-	174.402.445.853
	248.257.330.476	22.222.369.898	-	270.479.700.374

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2025				
Vay và nợ	75.934.392.460	-	-	75.934.392.460
Phải trả người bán, phải trả khác	421.400.260.598	-	-	421.400.260.598
Chi phí phải trả	122.590.562.275	-	-	122.590.562.275
	619.925.215.333	-	-	619.925.215.333
Tại ngày 01/01/2025				
Vay và nợ	53.416.894.433	-	-	53.416.894.433
Phải trả người bán, phải trả khác	43.161.165.337	-	-	43.161.165.337
Chi phí phải trả	92.216.567.385	-	-	92.216.567.385
	188.794.627.155	-	-	188.794.627.155

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

33 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	89.711.137.460	96.133.573.860
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	67.193.639.433	83.066.728.510

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan

Mỗi quan hệ

[illegible]

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	184.405.215.807	280.322.533.976
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	30.510.976	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	7.465.260.844	94.007.703.643
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	1.341.067.628	2.715.982.100
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	10.217.219.718	2.014.515.070
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh	113.346.599.662	126.464.143.770
Công ty Cổ phần Học liệu	1.804.704.414	1.116.687.430
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	514.800	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	6.385.689.770	8.768.064.150
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	629.981.217	1.315.733.940
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Thuận	6.268.469.564	6.304.660.081
Công ty Cổ phần Sách thiết bị trường học Thành phố Cần Thơ	4.925.416.200	5.709.072.228
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	60.802.560	10.072.560
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	392.767.920	784.045.144
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	466.721.700	253.738.300
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bến Tre	31.066.767.384	30.858.115.560
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Hà Nội	2.721.450	-
Mua hàng hóa, vật tư	498.166.796.592	522.697.961.494
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	4.559.602.350
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	425.483.461.332	438.577.437.530
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Cần Thơ	-	31.416.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	8.700.000	5.115.196.740
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Nam	409.291.770	62.489.630
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh	6.569.572.699	20.694.286.592
Công ty Cổ phần Học liệu	-	17.095.360
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	-	922.941.195
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	47.047.253.831	43.389.748.957
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	12.652.427.400	8.782.176.200
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	8.151.000	28.842.000
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	5.979.254.760	516.728.940
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bến Tre	8.683.800	-
Doanh thu hoạt động tài chính	92.400.000	192.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	92.400.000	192.500.000
Chi phí bán hàng	20.278	921.692.508
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	-	241.760.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	20.278	341.214.490
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	238.949.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	-	99.768.518
Chi phí quản lý doanh nghiệp	888.184.879	547.906.761
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	4.545.450	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	883.639.429	547.906.761

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Chức vụ	6 tháng đầu năm 2025 VND	6 tháng đầu năm 2024 VND
Thu nhập, thù lao của người quản lý chủ chốt	5.783.838.500	3.500.853.723
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 10/04/2025)	-	-
Ông Lê Huy Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 10/04/2025)	305.000.000	239.956.636
Ông Đinh Gia Lê Thành viên HĐQT	210.000.000	173.973.982
Bà Lê Phương Mai Thành viên HĐQT	110.000.000	173.973.982
Ông Nguyễn Phong Yên Thành viên HĐQT	110.000.000	173.973.982
Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân Thành viên HĐQT	210.000.000	134.980.486
Lương, thưởng của Ban Tổng Giám đốc	4.706.838.500	2.503.012.000
Thù lao của Ban Kiểm soát	132.000.000	100.982.655

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Nguyễn Thị Phương
Người lập

Phạm Lan Anh
Kế toán trưởng



Lê Phương Mai
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2025